

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 115 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2020

NGHỊ QUYẾT**Về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ****CHÍNH PHỦ***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam ngày 19 tháng 12 năm 2018;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;**Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên Chính phủ,***QUYẾT NGHỊ:****I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN**

1. Công nghiệp hỗ trợ có ý nghĩa quan trọng đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giúp nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh, tạo giá trị gia tăng, góp phần tăng tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu nền kinh tế. Phát triển công nghiệp hỗ trợ là một trong những giải pháp quan trọng nhất để Việt Nam cải thiện chất lượng nền kinh tế, phát triển bền vững và tránh bẫy thu nhập trung bình; giúp tăng khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đẩy mạnh tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước. Từ đó, tạo tính lan tỏa mạnh mẽ, giúp các doanh nghiệp trong nước có thể tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI và chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia.

Thời gian qua, công nghiệp hỗ trợ đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm và định hướng là một trong những ngành ưu tiên phát triển và được ưu đãi đầu tư. Với sự ra đời của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và các văn bản chính sách liên quan, hệ thống pháp luật, chính sách về công nghiệp hỗ trợ ngày càng được hoàn thiện, góp phần hỗ trợ thúc đẩy ngành công nghiệp hỗ trợ ngày càng phát triển và lớn mạnh. Cụ thể, số lượng và chất lượng của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam ngày càng được cải thiện rõ rệt. Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phần nào đáp ứng khá tốt nhu cầu trong nước và được xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới. Một số doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước ngày càng tích cực sử dụng các công cụ quản lý hiện đại vào sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, trở thành nhà cung cấp cho các công ty đa quốc gia.

2. Tuy nhiên, công nghiệp hỗ trợ Việt Nam vẫn bộc lộ những tồn tại, hạn chế và phát sinh những vấn đề mới. Việc tổ chức thực hiện một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ còn nhiều vướng mắc, thiếu nhất quán và chưa ổn định. Các chính sách phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được ưu tiên phát triển như điện tử, cơ khí trọng điểm, sản xuất và lắp ráp ô tô, dệt may, da giày,... nhằm tạo thị trường cho các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cũng chưa đạt được những kết quả như mong muốn. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong nước còn đơn giản, hàm lượng công nghệ trung bình và thấp, có giá trị nhỏ trong cơ cấu giá trị sản phẩm. Khả năng tự cung ứng các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ còn nhiều bất cập. Tình trạng nhập siêu nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng rất lớn, tỷ lệ nội địa hóa các ngành công nghiệp còn thấp. Các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam còn nhiều hạn chế về năng lực tổ chức quản lý sản xuất và công nghệ kỹ thuật; thiếu nguồn lực để đổi mới; lĩnh vực sản xuất khá giống nhau, cả về trình độ, quy mô, công nghệ và sản phẩm; chưa đủ năng lực cung cấp linh kiện và phụ tùng đáp ứng các yêu cầu để tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu.

3. Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau bao gồm nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Cụ thể, Việt Nam chưa có các doanh nghiệp đứng đầu chuỗi sản xuất tầm cỡ khu vực và quốc tế đóng vai trò dẫn dắt phát triển và lan tỏa trong ngành công nghiệp. Dung lượng thị trường trong nước còn nhỏ, chưa đảm bảo quy mô công suất sản xuất đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, trong khi đó thị trường xuất khẩu phải chịu sự cạnh tranh gay gắt đặc biệt từ các đối thủ cạnh tranh. Việt Nam gần như không có sản phẩm công nghiệp chủ lực, đủ khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu và thiếu sự chủ động về các vật liệu cơ bản. Xuất phát điểm các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam còn thấp, năng lực yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của chuỗi sản xuất toàn cầu và khách hàng.

Bên cạnh đó, nguồn lực đầu tư và sự hỗ trợ của Nhà nước cho các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ quá ít ỏi, chưa đủ mạnh và hiệu quả, chưa tương xứng với quy mô và vai trò của các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ. Nhận thức về vai trò của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong việc nuôi dưỡng nguồn thu, xây dựng nội lực và tự cường đất nước trong dài hạn còn hạn chế. Cách thức cân đối nguồn lực bao gồm bố trí nguồn lực và xây dựng chính sách cho phát triển công nghiệp còn mang tính ngắn hạn, chưa thực sự phù hợp với các định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước. Các chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ còn chậm được ban hành, chưa đồng bộ và phù hợp với thực tiễn, mặc dù quan điểm của Đảng và Nhà nước đã xác định vai trò, vị trí của công nghiệp hỗ trợ trong phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII ngày 28 tháng 1 năm 2016 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Mặt khác, việc phối hợp thực hiện các chính sách giữa các bộ, ngành và địa phương còn chưa thống nhất, chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển thực tiễn, hiệu quả chưa cao. Năng lực của đội ngũ cán bộ nhiều nơi còn hạn chế, thiếu tính chủ động, sáng tạo; khả năng phân tích, dự báo, thống kê còn bất cập.

Nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến công nghiệp hỗ trợ; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút, đón dòng vốn đầu tư và làn sóng dịch chuyển sản xuất của các công ty đa quốc gia; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển nâng cao năng lực cạnh tranh; Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng phát triển của thế giới, nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa của các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển theo Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị bao gồm: điện tử, cơ khí trọng điểm, sản xuất lắp ráp ô tô, dệt may, da giày, công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp quốc phòng.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở tạo lợi thế cạnh tranh với các nước trong khu vực và trên thế giới, nhằm thu hút đầu tư, tiếp cận và đáp ứng nhu cầu của các tập đoàn đa quốc gia, tham gia ngày càng sâu rộng vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu trong các lĩnh vực này.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ hài hòa, bền vững giữa các ngành công nghiệp, lấy phát triển chiều sâu làm trọng tâm, với các ưu tiên đột phá để tạo ra các mũi nhọn cho phát triển công nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững và thân thiện môi trường.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở huy động nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế, đặc biệt từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước.

2. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2025, doanh nghiệp Việt Nam có khả năng sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa; chiếm khoảng 11% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; có khoảng 1.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam trong đó, doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 30%.

Đến năm 2030, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng 70% nhu cầu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa; chiếm khoảng 14% giá trị sản xuất công nghiệp; có khoảng 2.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Mục tiêu cụ thể

a) Lĩnh vực linh kiện phụ tùng: phát triển linh kiện phụ tùng kim loại, linh kiện phụ tùng nhựa - cao su và linh kiện phụ tùng điện - điện tử, đáp ứng mục tiêu đến hết năm 2025 cung ứng được 45% nhu cầu sản phẩm linh kiện phụ tùng cho các ngành công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam. Đến năm 2030, cung ứng được 65% nhu cầu trong nước, đẩy mạnh sản xuất các lĩnh vực sản phẩm phục vụ các ngành công nghiệp công nghệ cao.

b) Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may - da giày: phát triển nguyên vật liệu và phụ liệu phục vụ ngành dệt may - da giày, đáp ứng mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ cung cấp trong nước của ngành công nghiệp dệt may đạt 65%, ngành da giày đạt 75 - 80%, với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao phục vụ sản xuất xuất khẩu.

c) Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao: phát triển sản xuất vật liệu, thiết bị hỗ trợ chuyên dụng, phần mềm và dịch vụ phục vụ các ngành công nghiệp công nghệ cao; phát triển hệ thống doanh nghiệp cung cấp thiết bị hỗ trợ chuyên dụng, hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong công nghiệp công nghệ cao. Hình thành các doanh nghiệp bảo trì, sửa chữa máy móc đạt tiêu chuẩn quốc tế, làm tiền đề phát triển doanh nghiệp sản xuất thiết bị, phần mềm phục vụ các ngành này. Hình thành hệ thống nghiên cứu phát triển và sản xuất vật liệu mới, đặc biệt là vật liệu điện tử.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách: Xây dựng, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển (được Nhà nước ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Luật Đầu tư) đảm bảo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp hỗ trợ, đồng thời xây dựng và triển khai các chính sách hiệu quả cho các ngành công nghiệp vật liệu và phát triển thị trường cho các ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, tạo nền tảng cơ bản cho công nghiệp hóa theo hướng hiện đại và bền vững.

2. Đảm bảo và huy động hiệu quả nguồn lực phát triển công nghiệp hỗ trợ: Bố trí, đảm bảo và huy động nguồn lực hiệu quả để triển khai thực hiện chính sách đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển. Nâng cao vai trò và khuyến khích các địa phương đầu tư các nguồn lực để triển khai các chính sách, chương trình và hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trên cơ sở căn cứ các quy định của pháp luật và bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương đó.

3. Giải pháp về tài chính, tín dụng: Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất đối với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển khi vay vốn ngắn hạn tại tổ chức tín dụng; Nhà nước thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay trung và dài hạn của các doanh nghiệp để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển bằng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

4. Phát triển chuỗi giá trị trong nước: Tạo cơ hội hình thành và phát triển chuỗi giá trị trong nước thông qua thu hút đầu tư hiệu quả và thúc đẩy kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp đa quốc gia, các công ty sản xuất, lắp ráp trong nước và nước ngoài; xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ tập trung để tạo cụm liên kết ngành; phát triển các ngành công nghiệp vật liệu nhằm tăng cường tính tự chủ về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, thúc đẩy sự phát triển của các ngành sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm các doanh nghiệp Việt Nam trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trở thành các Tập đoàn có tầm cỡ khu vực, tạo hiệu ứng lan tỏa và dẫn dắt các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Phát triển và bảo vệ thị trường: Thúc đẩy phát triển thị trường nội địa và thị trường ngoài nước để tạo điều kiện phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển. Cụ thể, bảo đảm quy mô thị trường nội địa thông qua các giải pháp phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả kinh tế; xây dựng và thực thi hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng trong nước; tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng công nghiệp nhập khẩu và sử dụng các hàng rào kỹ thuật để bảo vệ hợp lý thị trường nội địa phù hợp với các cam kết và thông lệ quốc tế. Đồng thời, tìm kiếm, mở rộng các thị trường ngoài nước trên cơ sở tận dụng các hiệp định FTA đã ký kết; triển khai các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển tham gia hiệu quả các hiệp định thương mại tự do; tích cực tháo gỡ các rào cản, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh; phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại.

6. Nâng cao năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ: Xây dựng và vận hành hiệu quả các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng và địa phương từ vốn đầu tư trung hạn của Trung ương và địa phương trên cơ sở nhu cầu, mục tiêu phát triển và nguồn lực sẵn có nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, tạo cơ hội tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Hình thành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi về tài chính, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực của các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng. Các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng có vai trò kết nối các trung tâm tại địa phương, hình thành hệ sinh thái chung về công nghệ và sản xuất công nghiệp.

Bên cạnh đó, cần tập trung nâng cao năng lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm tạo sự bứt phá về hạ tầng công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ; đẩy mạnh thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học, công nghệ; tăng cường cơ chế hợp tác công tư trong việc triển khai các dự án đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển. Đồng thời, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo thông qua các chương trình, kế hoạch quốc gia về nâng cao tay nghề, thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động, phát triển hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp, triển khai mô hình quản lý theo hướng hiện đại, tinh gọn, chuyên nghiệp, áp dụng theo các tiêu chuẩn quốc tế và ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phát triển hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, đặc biệt đối với các kỹ năng nghề quan trọng trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

7. Thông tin truyền thông, thống kê và cơ sở dữ liệu: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thống kê, cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kết nối giữa nhà cung cấp Việt Nam và các tập đoàn đa quốc gia; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng chính sách về công nghiệp hỗ trợ; nâng cao chất lượng công tác thống kê, bảo đảm thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng về công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm thu hút sự quan tâm, thay đổi, và nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội về phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẦN THỰC HIỆN GẮN VỚI TRÁCH NHIỆM BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

1. Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công nghiệp hỗ trợ đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật về đầu tư, thuế, phù hợp với các quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nghiên cứu, sửa đổi Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở phù hợp với yêu cầu phát triển ngành.

- Xây dựng Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may và da giày đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; xây dựng Chương trình phát triển bền vững ngành dệt may, da giày giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 nhằm tháo gỡ “điểm nghẽn” về nguyên phụ liệu, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, và ứng dụng công nghệ 4.0 trong thiết kế, sản xuất; xanh hóa ngành công nghiệp dệt may, da giày nhằm tận dụng hiệu quả cao nhất các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết.

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách thúc đẩy phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên phát triển nhằm tạo thị trường cho công nghiệp hỗ trợ phát triển và phù hợp với đặc điểm từng ngành.

- Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư tăng cường công tác xúc tiến thu hút đầu tư các doanh nghiệp FDI lớn trên thế giới nhằm tận dụng sự dịch chuyển đầu tư trong bối cảnh mới; khuyến khích thúc đẩy các doanh nghiệp FDI đầu tư sản xuất các sản phẩm hoàn chỉnh đặt nhà máy sản xuất cấp khu vực tại Việt Nam để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, tận dụng lợi thế về thị trường thuộc các hiệp định thương mại tự do đã ký kết; hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nâng cao năng lực thông qua hợp tác chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng đề án thí điểm đầu tư các khu công nghiệp tập trung tại một số địa phương phù hợp theo mô hình cụm liên kết ngành sản xuất các linh kiện, phụ tùng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển như: sản xuất sản phẩm điện tử, cơ khí trọng điểm, sản xuất lắp ráp ô tô và nguyên phụ liệu quan trọng ngành dệt may, da giày như sợi, vải, da và vật liệu mới tại một số địa bàn phù hợp; trình

Thủ tướng Chính phủ hoặc chủ động xem xét, quyết định các cơ chế hỗ trợ theo điều kiện ngân sách của địa phương (giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng hạng mục xử lý môi trường, nhà ở công nhân...) và ưu đãi từng dự án theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) và các bộ, ngành liên quan thành lập tổ công tác liên ngành kiểm tra xuất xứ đối với các mặt hàng xuất nhập khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan, phù hợp thông lệ quốc tế.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực thi có hiệu quả việc kiểm soát hiện tượng chuyển giá, gian lận thuế; tích cực tháo gỡ các rào cản, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh.

- Xây dựng Đề án ứng dụng công nghệ số và kỹ thuật tiên tiến nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm công nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghiệp ưu tiên phát triển trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu và bảo vệ hợp lý thị trường nội địa phù hợp với các cam kết và thông lệ quốc tế đối với các mặt hàng công nghiệp; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường.

- Xây dựng các hệ thống dữ liệu trung tâm lớn về các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển; trong đó chú trọng xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận thông tin liên kết cần thiết được nhanh chóng, thuận lợi trong phân tích, đánh giá, định hướng lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực đầu tư.

- Phối hợp với các bộ, ngành, các cơ quan báo chí, truyền thông nhằm thúc đẩy công tác tuyên truyền, quảng bá về hoạt động công nghiệp hỗ trợ mang tính chất toàn diện, có định hướng dài hạn, tăng cường và đẩy mạnh thông tin về công tác xây dựng và thực thi chính sách thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển.

- Xây dựng 05 Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng bao gồm 03 trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp lĩnh vực cơ khí, điện tử và 02 Trung tâm nghiên cứu, phát triển công nghiệp lĩnh vực dệt may và da giày nhằm hỗ trợ đổi mới và sáng tạo, sản xuất thử nghiệm và kiểm định chất lượng cho các doanh nghiệp, có sự hỗ trợ từ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương có lợi thế phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo. Các Trung tâm được Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định các cơ chế ưu đãi và hỗ trợ thí điểm, đặc thù (từ ngân sách nhà nước về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, máy móc kỹ thuật phục vụ chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất và miễn giảm các khoản thuế phí theo quy định hiện hành...) trên cơ sở Đề án do Bộ Công Thương xây dựng.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Nghiên cứu, trình các cấp thẩm quyền ban hành các chính sách nhằm đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tổ chức và cơ cấu hợp lý giữa các thị trường theo quy luật khách quan nhằm tạo điều kiện phân bổ các nguồn lực xã hội vào phát triển công nghiệp theo nguyên tắc thị trường.

- Nghiên cứu điều chỉnh cơ chế hoạt động Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ dễ dàng tiếp cận nguồn vốn.

- Nghiên cứu, thống nhất quy hoạch sử dụng đất và cấp phép các khu công nghiệp dệt may quy mô lớn.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ về vốn vay ưu đãi khi đầu tư xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ tập trung để tạo cụm liên kết ngành; phát triển các ngành công nghiệp vật liệu.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổng hợp, đề xuất và phân bổ nguồn vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để cấp bù chênh lệch lãi suất cho các tổ chức tín dụng thực hiện chính sách cho vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển thuộc đối tượng được hỗ trợ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách thu hút các dự án đầu tư FDI quy mô lớn có gắn với chính sách phát triển nhà cung cấp nội địa trên cơ sở mức độ ưu đãi và hỗ trợ được hưởng; thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu – phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

- Ban hành các quy định và tiêu chí về thu hút đầu tư FDI:

- + Có tính đến quy hoạch không gian lãnh thổ, ngành nghề thu hút đầu tư; phân cấp thẩm quyền chấp thuận và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi có dự án đầu tư nước ngoài tránh chồng chéo trùng lặp, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các địa phương và vùng kinh tế lãnh thổ;

- + Không khuyến khích cấp phép các dự án FDI sản xuất các linh kiện và phụ tùng có quy mô nhỏ, hàm lượng công nghệ thấp, sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng hệ thống thống kê các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển và định kỳ công bố số liệu thống kê.

- Triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển nhằm xây dựng cơ sở vật chất cho 05 Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp tại các vùng kinh tế trọng điểm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

3. Bộ Tài chính

- Hoàn thiện và đơn giản hóa các chính sách, thủ tục về thuế để tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển.

- Trình cấp thẩm quyền sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng trong thời gian sớm nhất theo hướng điều chỉnh cơ chế và thời gian hoàn thuế giá trị gia tăng tạo điều kiện thuận lợi về vốn cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến chế tạo ưu tiên phát triển.

- Sửa đổi chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt (giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt) đối với sản phẩm ô tô để khuyến khích ngành sản xuất, lắp ráp ô tô nâng cao giá trị gia tăng tạo ra trong nước, trình Quốc hội khóa XIV tại Kỳ họp thứ 10 theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chế xuất bán hàng và tham gia chuỗi cung ứng nội địa.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ chế thu kinh phí xử lý sản phẩm thải bỏ đối với các sản phẩm nhập khẩu; Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương xây dựng cơ chế thu kinh phí xử lý sản phẩm thải bỏ đối với các sản phẩm sản xuất trong nước theo quy định của pháp luật môi trường về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ.

- Bố trí kinh phí sự nghiệp trung hạn 3 năm và hằng năm đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ được phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng chương trình cho vay ưu đãi các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển phù hợp quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Ưu tiên bố trí các nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ:

+ Tạo nguồn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển.

+ Xây dựng các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp;

+ Dự án hỗ trợ kỹ thuật đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao năng lực doanh nghiệp;

- Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công Thương xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển khi vay vốn đầu tư từ ngân hàng thương mại. Mức chênh lệch lãi suất được ngân sách nhà nước cấp bù tối đa là 5%/năm.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan thực hiện việc bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để triển khai gói tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển theo quy định của Luật Đầu tư.

- Hướng dẫn thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các ngân hàng thương mại cho vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực thi có hiệu quả việc kiểm soát hiện tượng chuyển giá, gian lận thuế nhằm tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn nhằm xây dựng cơ sở vật chất để hình thành 05 Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp trong giai đoạn đến năm 2025.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Nghiên cứu điều chỉnh các chính sách tín dụng đối với lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đảm bảo tính hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có thể tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương để hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức tín dụng cho vay ưu đãi thông qua cấp bù chênh lệch lãi suất từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương và các nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

- Tổng hợp nhu cầu cấp bù lãi suất của các tổ chức tín dụng để thực hiện hỗ trợ cấp bù chênh lệch lãi suất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng cân đối, xây dựng chương trình tín dụng phù hợp với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa; kết hợp thâm định cho vay đối với khách hàng kèm theo tư vấn các giải pháp tài chính phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, xuất bản và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển; chỉ đạo các đài phát thanh, truyền hình tăng cường thời lượng phát sóng các chương trình sản xuất về lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp ưu tiên phát triển, bảo đảm đạt tỷ lệ tối thiểu 10% tổng thời lượng phát sóng của các nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương nhằm phổ biến, quảng bá về công tác xây dựng và thực thi chính sách cũng như các hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp ưu tiên phát triển; đặt hàng các cơ quan báo chí có tính chất định hướng thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Đề xuất, kiến nghị những chính sách, cơ chế tạo sự đột phá về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp để đẩy mạnh thực hiện Chính phủ điện tử, góp phần cải cách thủ tục hành chính, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp ưu tiên phát triển bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, tích hợp, hướng tới tập trung các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; công khai minh bạch trong quá trình tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách và các giải pháp phát triển các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử, trong đó ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để sản xuất các sản phẩm công nghệ 5G, công nghệ IoT, AI, Robotic, ...

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất bổ sung, hoàn thiện các chính sách ưu đãi về đất đai và hỗ trợ xử lý các vấn đề về môi trường đối với các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng trình các cấp có thẩm quyền sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật trong năm 2020 về quy định thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên nguyên tắc ràng buộc trách nhiệm các doanh nghiệp nhập khẩu đối với việc xử lý các sản phẩm thải bỏ của ngành điện tử, ô tô... theo hướng nộp kinh phí xử lý sản phẩm thải bỏ khi nhập khẩu và được hoàn trả sau khi hoàn thành nghĩa vụ xử lý sản phẩm thải bỏ.

- Rà soát, điều chỉnh Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp của một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển và công nghiệp hỗ trợ phù hợp với thực tế, năng lực của các doanh nghiệp trong nước, phù hợp với trình độ kỹ thuật, công nghệ, mức độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. Toàn bộ các thông số, chỉ tiêu về môi trường phải được điều chỉnh đảm bảo hài hòa, tương đương với các quốc gia có trình độ tiên tiến trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc... nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, hạn chế tình trạng các dự án có công nghệ lạc hậu, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường dịch chuyển vào Việt Nam, từng bước nâng cao chất lượng môi trường.

- Rà soát, nghiên cứu bổ sung danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường theo hướng hỗ trợ các dự án dệt nhuộm, thuộc da có đầu tư hệ thống xử lý nước thải; sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất, nhập khẩu, sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông dùng năng lượng tái tạo; sản xuất, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được cấp nhãn sinh thái; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, công nghệ tốt nhất hiện có trong sản xuất, kinh doanh.

- Nghiên cứu xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong công tác xử lý môi trường, đặc biệt trong lĩnh vực dệt may và da giày (dệt nhuộm, thuộc da, ...).

7. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Rà soát, nghiên cứu điều chỉnh cơ chế tiếp cận Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia theo hướng thông thoáng và nhanh gọn, đơn giản hơn đối với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, thẩm định và công bố các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN); thẩm định dự thảo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đối với các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô, cơ khí, điện tử, dệt may, da giày, nâng cao tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với các cam kết quốc tế, khu vực và quy định của pháp luật.

- Ưu tiên hỗ trợ, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Tăng cường tư vấn, tìm kiếm, giới thiệu và hỗ trợ chuyển giao các công nghệ sản xuất hiện đại, phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng tiên tiến, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Bố trí quỹ đất xây dựng Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp phục vụ việc nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và nâng cao trình độ sản xuất của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc theo quy định pháp luật.

- Xây dựng dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc tế và dữ liệu về các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận, kiểm định, hiệu chuẩn liên quan đến lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

8. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo khuyến khích hướng nghiệp học sinh vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực tham gia thị trường lao động có kỹ năng, phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa đại học, trên đại học và cao đẳng, trung cấp, sơ cấp.

- Phát triển hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, đặc biệt các kỹ năng nghề quan trọng trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; thành lập các hội đồng kỹ năng nghề quốc gia nhằm phát triển các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, thực hiện dự báo nhu cầu kỹ năng nghề và các kỹ năng tương lai đáp ứng nhu cầu xã hội đối với các ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế (với Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Đức,... và các tổ chức quốc tế) trong việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc đào tạo nâng cao trình độ người lao động trực tiếp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác dự báo nhu cầu thị trường nhân lực, đặc biệt nhân lực trong ngành công nghiệp hỗ trợ, đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa kỹ sư - cử nhân trong các ngành khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật lành nghề.

- Ban hành hệ thống văn bản về kỹ năng nghề nghiệp theo chuẩn quốc tế; chú trọng quy trình, phương thức đào tạo, hệ thống chứng chỉ đáp ứng yêu cầu trao đổi lao động khu vực và quốc tế.

- Đơn giản hóa thủ tục xác nhận chương trình đào tạo theo hướng cơ bản gắn với yếu tố phát triển kinh tế thị trường.

- Xây dựng hệ thống chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp hỗ trợ chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động dạy nghề, thiết lập mối liên hệ chặt chẽ, phù hợp giữa chương trình đào tạo nghề với các yêu cầu kỹ năng của thị trường lao động.

9. Bộ Giao thông vận tải

- Nghiên cứu, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, đặc biệt là các quy chuẩn về khí thải đối với các phương tiện giao thông; đồng thời có biện pháp kiểm soát, chế tài chặt chẽ đối với các phương tiện giao thông không đáp ứng các quy định về khí thải.

- Nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải cho ô tô phù hợp với thực trạng phát triển của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất các quy định về xử lý sản phẩm thải bỏ trong ngành giao thông vận tải.

- Hoàn thiện các thủ tục kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô sản xuất trong nước và nhập khẩu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng đối với ô tô nhập khẩu nguyên chiếc, hạn chế các sản phẩm kém chất lượng, gian lận thương mại xâm nhập thị trường Việt Nam.

- Thúc đẩy tiến độ các dự án hạ tầng và phương thức vận tải đồng bộ nhằm giảm chi phí logistic, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ.

10. Bộ Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự, thủ tục thành lập các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng và địa phương.

- Cho phép thí điểm về việc các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) trong lĩnh vực cơ khí, điện tử, dệt may, da giày, công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp sản xuất khác tham gia hội với tư cách là thành viên chính thức trong thời gian nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp hỗ trợ ở các cấp, các ngành. Khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn mở rộng liên kết, hợp tác trong hoạt động sản xuất, kinh doanh với các đối tác trong nước và nước ngoài có quy mô lớn, trước mắt tập trung vào các nhà đầu tư nước ngoài, nhằm tạo nguồn lực lớn về vốn đầu tư, đồng thời tận dụng các cơ hội chuyển giao, đổi mới công nghệ, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành hoặc bổ sung, sửa đổi các chính sách thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp từ nước ngoài (FDI) có gắn với điều kiện nâng cao giá trị gia tăng tạo ra trong nước có tính đến liên kết không gian lãnh thổ.

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ lợi thế về phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển có trách nhiệm:

+ Xây dựng và ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của địa phương;

+ Bố trí ngân sách hàng năm để triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của địa phương;

+ Hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy của Sở Công Thương và các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

- Xây dựng Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp địa phương trên cơ sở nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại các đơn vị hiện có từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác trên cơ sở nhu cầu phát triển công nghiệp và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng, chi phí xử lý môi trường cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Xây dựng, triển khai chương trình tín dụng ưu đãi được cấp bù lãi suất đối với các khoản vay trung và dài hạn của các doanh nghiệp để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo đặc thù, đặc điểm của từng địa phương; hỗ trợ cấp bù chênh lệch lãi suất từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Quy hoạch, đầu tư và hỗ trợ đầu tư một số khu, cụm công nghiệp do địa phương quản lý về công nghiệp hỗ trợ trong đó có xây dựng nhà xưởng cho thuê, cho thuê mua tài chính đổi mới trang thiết bị sản xuất theo mô hình cụm liên kết ngành, sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và các nguyên phụ liệu quan trọng ngành dệt may, da giày như sợi, dệt, nhuộm, da, vật liệu mới và vật liệu kim loại trong cơ khí chế tạo.

- Ủy ban nhân dân các thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng bố trí đủ quỹ đất (tối thiểu 3 hecta) để Bộ Công Thương xây dựng các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng đảm bảo đúng quy mô theo đề án thành lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

12. Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam và các hiệp hội ngành hàng có liên quan

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển công nghiệp; các chương trình hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp liên doanh và 100% vốn nước ngoài tham gia các hiệp hội để tăng cường phối hợp hoạt động, hình thành chuỗi liên kết, trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI trong các ngành cơ khí, điện tử, dệt may, da giày, công nghiệp hỗ trợ.

- Tuyên truyền, vận động các hội viên tham gia liên kết trong sản xuất để hình thành chuỗi giá trị sản xuất.

13. Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình

Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, và các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình khác tăng cường tổ chức sản xuất, truyền dẫn, phát sóng, phát hành các chương trình, chuyên mục, ấn phẩm về các hoạt động phát triển công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ đạt tỷ lệ tối thiểu 10% tổng thời lượng phát sóng của các nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương để phổ biến, quảng bá về công tác xây dựng và thực thi chính sách cũng như các hoạt động của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp trong Nghị quyết này nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến công nghiệp hỗ trợ.

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình và kết quả triển khai Nghị quyết; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc triển khai thực hiện của các bộ, ngành và các địa phương khi có yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 111

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc